

Sinh viên tạo một thư mục và đặt tên theo cú pháp Họ tên SV\_Lớp\_Masv\_số đề. Lưu các File đã làm vào cùng một thư mục đã tạo

## ĐỀ 15

### PHẦN 1: SOẠN THẢO VĂN BẢN (5 điểm)

Soạn thảo và định dạng văn bản hoàn chỉnh theo mẫu sau, lưu tệp vào thư mục vừa tạo theo quy định: **MaSV\_WORD\_Đề15.docx**

# Có bao nhiêu cây trong một hạt?

**M**ột hạt nhỏ bé sẽ trở thành cây. Cây sinh ra nhiều hạt hơn. Những hạt này lại trở thành cây, cây lại sinh ra hạt. Và cứ như thế... Vậy có bao nhiêu cây trong một hạt? Không có cây trong hạt. Đáp hạt ra, bạn sẽ chẳng tìm thấy một cây nào. Hạt chỉ mang mầm sống cho cây, những gì cần cần để trở thành cây và cây chỉ xuất hiện khi hạt được nuôi dưỡng đủ nước, đất và ánh nắng mặt trời.

Những người mà bạn gặp, những điều bạn được học, những kinh nghiệm trong đời bạn, những gì bạn lựa chọn, mỗi ngày, mỗi khoảnh khắc trong cuộc đời bạn... tất cả là những hạt giống với

sức sống vô tận chúng đang chờ để trở thành cây, rồi thành trái, nhưng chỉ khi chúng được trồng ở đất tốt và nuôi dưỡng.

Bạn thân mến! không phải lúc nào bạn cũng có thể lựa chọn hạt nào sẽ rơi xuống đời mình nhưng bạn hoàn toàn có thể trồng nó, nuôi dưỡng nó theo các bạn muốn.

Hãy nghĩ về điều đó, bạn có thể thay đổi cuộc đời mình ngay từ bây giờ bằng cách quyết định sẽ trồng hạt nào? sẽ lựa chọn những gì? Bằng cách cung cấp cho những hạt giống tốt một mảnh đất màu mỡ, đủ chất dinh dưỡng để sống và phát triển

1. nghiệm phương trình bậc hai

$$X_1 = \frac{-B + \sqrt{\Delta}}{2A}$$

$$X_2 = \frac{-B - \sqrt{\Delta}}{2A}$$

2. Tính diện tích tam giác

$$S = \sqrt{\left(\frac{a+b+c}{2}\right)\left(\frac{a+b+c}{2} - a\right)\left(\frac{a+b+c}{2} - b\right)\left(\frac{a+b+c}{2} - c\right)}$$

## PHẦN 2: SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN (5 điểm)

Tạo bảng số liệu sau, định dạng theo mẫu(như ảnh), lưu tệp vào thư mục vừa tạo theo quy định: **MaSV\_EXCEL\_Đề15.xlsx**

### Yêu cầu:

1. Điền vào cột tên hàng: Nếu 2 kí tự đầu của mã hàng là “CT” ghi là Công tắc, nếu là BD thì ghi là Bóng đèn, còn lại ghi là Bàn là
2. Tính đơn giá dựa vào 2 kí tự cuối của mã hàng và bảng sau
3. Thành tiền = số lượng \* đơn giá. Nếu ngày bán sau 1/6/2021 thì giảm 10% thành tiền
4. Hoàn thành bảng tổng hợp bằng hàm
5. Lọc ra các mặt hàng bán với số lượng >50
6. Vẽ biểu đồ Pie cho bảng tổng hợp

	A	B	C	D	E	F	G	H
1		<b>BẢNG DANH SÁCH BÁN HÀNG QUÝ IV/2020</b>						
2	STT	Mã hàng	Tên hàng	Ngày bán	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
3	1	BDDQ	?	05/05/2021	12	?	?	?
4	2	BDNT	?	06/08/2021	25	?	?	?
5	3	CT01	?	07/07/2021	10	?	?	?
6	4	BDGN	?	07/03/2021	60	?	?	?
7	5	BLTS	?	09/08/2021	22	?	?	?
8	6	BDGN	?	06/01/2021	24	?	?	?
9	7	CT01	?	07/06/2021	100	?	?	?
10	8	BLTS	?	09/08/2021	240	?	?	?
11								
12		Mã hàng	Đơn giá		Bảng tổng hợp			
13		DQ	12000		Tên hàng	Tổng số		
14		TS	14500		Công tắc	?		
15		NT	16000		Bóng đèn	?		
16		GN	15000		Bàn là	?		
17		01	3000					

Sinh viên tạo một thư mục và đặt tên theo cú pháp Họ tên SV\_Lớp\_Masv\_số đề. Lưu các File đã làm vào cùng một thư mục đã tạo

## **ĐỀ 16**

### **PHẦN 1: XỬ LÝ VĂN BẢN CƠ BẢN (5 điểm)**

Soạn thảo văn bản theo mẫu sau, lưu tệp vào thư mục vừa tạo theo quy định:  
**MaSV\_Word\_Đề16.doc**



#### **QUYẾT ĐỊNH**

V/v ban hành Quy định quản lý và sử dụng TB, phần mềm tin học của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em TP phố Đà Nẵng

**CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN SỐ, GIA ĐÌNH VÀ TRẺ EM  
TP ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Quyết định số 185/2001/QĐ-UB ngày 04/12/2001 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Dân số, Gia đình và trẻ em thành phố Đà Nẵng;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng Ủy ban Dân số, Gia đình và trẻ em thành phố Đà Nẵng.

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý và sử dụng thiết bị, phần mềm tin học của Ủy ban Dân số, Gia đình và trẻ em thành phố Đà Nẵng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2005.

**Điều 3.** Chánh văn phòng, Trưởng các đơn vị trực thuộc Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em thành phố Đà Nẵng thi hành Quyết định này.

#### **Nơi nhận:**

- UBND TP Đà Nẵng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

#### **CHỦ NHIỆM**

(Ký tên, đóng dấu)

## PHẦN 2: SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN (5 điểm)

Tạo bảng số liệu và định dạng như mẫu (ảnh dưới đây) , lưu tệp vào thư mục vừa tạo theo quy định: **MaSV\_EXCEL\_Đề16.xlsx**

TT	Mã phòng	Ngày đến	Ngày đi	Số ngày ở	Tiền phòng	Phí phục vụ	Giảm	Tiền thu
1	55B1	01.01	03.04	?	?	?	?	?
2	04C6	04.05	29.05	?	?	?	?	?
3	78A2	28.03	03.04	?	?	?	?	?
4	95A1	05.06	07.07	?	?	?	?	?
5	99B5	03.04	05.04	?	?	?	?	?
6	88C1	07.08	12.08	?	?	?	?	?
7	56B2	06.09	19.09	?	?	?	?	?
8	77C1	01.04	04.05	?	?	?	?	?

**Bảng đơn giá ngày công và % phí**

Loại phòng	Đơn giá ngày	%  phục vụ
B	100	10%
A	150	8%
C	80	9%

- Số ngày ở = Ngày đi – Ngày đến
- Tiền phòng:
  - Nếu Số ngày ở bằng 0 thì Tiền phòng = Đơn giá
  - Nếu Số ngày ở khác 0 thì Tiền phòng = Số ngày ở \* Đơn giá
- Đơn giá tra cứu theo loại phòng trong Bảng đơn giá ngày công. Loại phòng nằm ở ký tự thứ 3 trong Mã phòng.
- Phí phục vụ = % phục vụ \* đơn giá
- Giảm:
  - Nếu  $0 \leq \text{Số ngày ở} < 10$  thì Giảm = 0%
  - Nếu  $10 \leq \text{Số ngày ở} < 20$  thì Giảm = 2%
  - Nếu  $20 \leq \text{Số ngày ở} < 30$  thì Giảm = 4%
  - Nếu Số ngày ở  $\geq 30$  thì Giảm = 6%
- Tiền thu = Tiền phòng + Phí phục vụ – Giảm\*(Tiền phòng + Phí phục vụ)

**CÁN BỘ RA ĐỀ**

**CÁN BỘ PHẢN BIỆN**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**Th.s Lê Thị Chi**

**Th.s Nguyễn T Kim Anh**

**TS. Lê Chí Luận**